BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THUẾ - TƯ VẤN SÀI GÒN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến ngày lập các báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông	Cao Hồng Quang	Chủ tịch
Ông	Lý Khôi Văn	Thành viên
Ông	Tô Thiện Hữu	Thành viên
Ông	Lý Minh Ân	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà	Dương Thị Kim Đính	Trưởng ban
Bà	Lữ Thị Mỹ Duyên	Thành viên
Bà	Phan Trần Phương Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Mai Văn Hải	Giám đốc
Ông	Võ Thứ Thức	Phó Giám đốc
Ông	Nguyễn Thái Bình	Phó Giám đốc
Ông	Lê Quốc Trưởng	Q. Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm Toán Thuế Tư Vấn Sài Gòn đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó, phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện và thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

Mai Văn Hải

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 04464 Quyển số: ..... -SCT/BS

Ngày: 17 -07- 2020

Văn phòng công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Công Chứng Viên

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH TÂN

Phan Thị Nga

Audit - Tax - Consulting

Công ty TNHH Kiểm toán Thuế Tư vấn Sài Gòn
Số 5-7, đường Hoàng Việt, phường 4
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
www.saigonauditing.com
Tel : 84 - 6293 5468 Fax: 84 - 6293 5455

Số: 18064/BCKT-SGA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI
năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018 từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

S.Đ.K.K.D: 0310250853-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN THUẾ TƯ VẤN SÀI GÒN
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

BÙI TRUNG HIẾU
Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1341-2018-207-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THUẾ TƯ VẤN SÀI GÒN
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

HOÀNG THỊ TRÚC HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1809-2018-207-1

Ngày 30-03-2018
Người nhận 08

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 044464 Quyển số: ..... SCT/BS
Ngày: 17-07-2020
Văn phòng công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên

S.Đ.K.H.Đ: 41020045-Đ.N.T.N
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH TÂN
Q. BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VNĐ	31/12/2016 VNĐ
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**11.526.084.759**	**8.425.998.995**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**IV.1**	**5.062.481.058**	**3.205.075.064**
1. Tiền	111		3.562.481.058	3.205.075.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.692.216.264**	**2.984.634.758**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	1.760.593.730	2.474.162.429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	643.975.000	200.912.620
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.4	287.647.534	309.559.709
IV. Hàng tồn kho	**140**		**3.543.407.210**	**2.236.289.173**
1. Hàng tồn kho	141	IV.5	3.543.407.210	2.236.289.173
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**227.980.227**	**-**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		227.980.227	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**32.904.608.576**	**26.560.774.937**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.000.000**	**10.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	IV.4	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**30.091.031.776**	**26.550.774.937**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.6	19.124.389.335	15.248.418.948
- Nguyên giá	222		48.824.501.642	44.416.460.818
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(29.700.112.307)	(29.168.041.870)
2. Tài sản cố định vô hình	227	IV.7	10.966.642.441	11.302.355.989
- Nguyên giá	228		12.952.947.600	12.952.947.600
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(1.986.305.159)	(1.650.591.611)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.803.576.800**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8	2.803.576.800	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**44.430.693.335**	**34.986.773.932**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VNĐ	31/12/2016 VNĐ
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**15.154.340.319**	**6.777.519.693**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**8.387.240.319**	**6.223.719.693**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.10	3.061.098.166	1.402.561.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.11	42.470.900	39.056.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	IV.12	346.730.277	881.984.302
4. Phải trả người lao động	314		2.889.258.654	1.524.851.580
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.13	-	24.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.14	39.159.985	74.838.185
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.9	1.320.600.000	1.503.531.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		687.922.337	772.896.883
II. Nợ dài hạn	**330**		**6.767.100.000**	**553.800.000**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.9	6.767.100.000	553.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**29.276.353.016**	**28.209.254.239**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**IV.15**	**29.276.353.016**	**28.209.254.239**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.127.058.884	18.127.058.884
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.127.058.884	18.127.058.884
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.965.052.000	5.100.802.000
3. Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		5.184.242.132	4.981.393.355
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	117.750.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.184.242.132	4.863.643.355
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**44.430.693.335**	**34.986.773.932**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0 4 4 4 6 Quyển số: ...-SCT/BS
Ngày: 17 -07- 2020
Văn phòng công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên

Lê Quốc Trưởng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

Mai Văn Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2017 VNĐ	2016 VNĐ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	52.282.071.481	43.540.656.945
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.1	52.282.071.481	43.540.656.945
4. Giá vốn hàng bán	11	V.2	37.383.718.273	29.955.465.273
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**14.898.353.208**	**13.585.191.672**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.3	31.472.096	27.517.767
7. Chi phí tài chính	22	V.4	247.861.810	329.417.979
Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*247.861.810*	*329.417.979*
8. Chi phí bán hàng	25	V.5	1.825.672.286	1.870.401.786
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.5	6.918.007.432	5.720.781.984
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**5.938.283.776**	**5.692.107.690**
11. Thu nhập khác	31	V.6	602.153.751	440.872.055
12. Chi phí khác	32	V.7	47.662.958	36.116.203
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		554.490.793	404.755.852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**6.492.774.569**	**6.096.863.542**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	1.308.532.437	1.233.220.186
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**5.184.242.132**	**4.863.643.356**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	V.9	**2.088**	**2.028**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0444 Quyển số: ..... -SCT/BS
Ngày: 17 -07- 2020
Văn phòng công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên
Phan Thị Nga

Lê Quốc Trưởng
Kế toán trưởng

Mai Văn Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TÀI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B03-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2017 VNĐ	2016 VNĐ
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		57.508.558.809	46.135.808.218
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(29.151.848.007)	(17.889.602.407)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.627.519.238)	(12.853.949.836)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(243.470.314)	(329.417.979)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.203.094.184)	(1.456.444.805)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.741.446.871	134.342.477
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(13.697.246.143)	(7.144.214.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***5.326.827.794***	***6.596.521.410***
				-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(7.649.083.000)	(1.485.814.305)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		660.000.000	100.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.472.096	27.517.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(6.957.610.904)***	***(1.358.296.538)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	11.180.000.000	684.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(5.154.022.496)	(3.203.739.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.537.788.400)	(2.175.247.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***3.488.189.104***	***(4.694.986.700)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**1.857.405.994**	**543.238.172**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**3.205.075.064**	**2.661.836.892**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**		**5.062.481.058**	**3.205.075.064**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 04 Quyển số: SCT/BS
Ngày 17-07-2020
Văn phòng Công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Công Chứng Viên
Phan Thị Nga

Lê Quốc Trưởng
Kế toán trưởng

Mai Văn Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

I. Đơn vị báo cáo

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát Tài là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký số 4102014335 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 10 năm 2015 bởi Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở hoạt động của Công ty là Lô số 3, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 18.127.060.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

In offset - tipô - lụa - phun. Sản xuất bao bì từ giấy và bìa (không sản xuất bột giấy; tái chế phế thải tại trụ sở). Buôn bán vật tư ngành in. Dịch vụ liên quan tới in.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi bổ sung và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc và dựa trên giả định hoạt động liên tục.

3. Kỳ kế toán

Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VNĐ) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nhận tiền từ nhà đầu tư;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian khấu hao ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao ước tính của các tài sản cố định tại Công ty được áp dụng như sau:

Nhà xưởng vật kiến trúc	*10 năm*
Máy móc thiết bị	*05 - 07 năm*
Phương tiện vận chuyển	*06 năm*
Thiết bị văn phòng	*03 - 05 năm*

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất	*39 năm*

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền sẽ phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trích trước.

9. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó

10. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế có liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.
Các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông góp vốn
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	Cổ đông góp vốn
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	Cổ đông góp vốn
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tiền Giang	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ Phần In và Bao Bì Bình Thuận	Công ty liên kết Tổng Công ty Liksin
Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Liksin	Công ty liên kết Tổng Công ty Liksin
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Công ty con Tổng Công ty Liksin
Công ty Cổ Phần Máy An Phát	Công ty liên kết Tổng Công ty Liksin
Công ty Cổ Phần In và Phát Hành Sách Lâm Đồng	Công ty liên kết Tổng Công ty Liksin
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin
Chi nhánh Tổng Cty Liksin - Xí Nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin
Chi nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí Nghiệp Bao Bì Liksin	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin
Chi nhánh Tổng Công ty Liksin - Trung Tâm Tân Đức	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin
Chi nhánh Tổng Cty Liksin - Xí nghiệp bao bì An Khang Liksin	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	1.477.632	35.987.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.561.003.426	3.169.087.681
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (VND)	*845.874.886*	-
- Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Quận 10	-	*1.521.447.261*
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn (VND)	*2.711.033.598*	*1.643.545.478*
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn (USD)	*USD 194,25*	*USD 194,25*
tương đương VND	*4.094.942*	*4.094.942*
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng	1.500.000.000	-
	5.062.481.058	3.205.075.064

2. Phải thu khách hàng	31/12/2017	31/12/2016
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí Nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin	135.366.930	300.040.769
Công ty Cổ Phần In Và Bao Bì Bình Thuận	1.231.378.400	-
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tỉnh Đồng Tháp	-	879.945.000
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	-	320.879.680
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Thủ Đô - Hội Đồng Xổ Số Kiến Thiết Miền Bắc	376.530.000	798.050.000
Phải thu khách hàng khác	17.318.400	175.246.980
	1.760.593.730	2.474.162.429
b. Bên liên quan		
Chi Nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí Nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin	135.366.930	300.040.769
Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	-	78.892.000
Công ty Cổ Phần In Tổng Hợp Liksin	-	49.063.080
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	-	4.059.000
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tỉnh Đồng Tháp	-	879.945.000
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	-	320.879.680
Công ty Cổ Phần In và Bao Bì Bình Thuận	1.231.378.400	-
Công ty Cổ Phần In và Phát Hành Sách Lâm Đồng	-	28.890.000
	1.366.745.330	1.661.769.529

3. Trả trước nhà cung cấp	31/12/2017	31/12/2016
Trả trước nhà cung cấp ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Máy An Phát - Bên liên quan	379.500.000	-
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	195.000.000	195.000.000
Chi nhánh Công ty Cp Đt Kt Sx Và Cung Cấp Nước Sạch Ita	-	5.912.620
Công ty Cp Đầu Tư - Tin Học Và Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	69.475.000	-
	643.975.000	200.912.620

4. Phải thu khác	31/12/2017	31/12/2016
Ngắn hạn		
Tạm ứng	21.060.000	26.157.929
Ký cược, ký quỹ bảo lãnh	100.000.000	100.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	*100.000.000*	*100.000.000*
Phải thu khác	166.587.534	183.401.780
- Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một Thành Viên	*30.000.000*	*37.500.000*
- Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	*24.000.000*	*30.000.000*
- Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	*36.000.000*	*45.000.000*
- Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tiền Giang	*36.000.000*	*45.000.000*
- Bên thứ ba khác	*40.587.534*	*25.901.780*
	287.647.534	309.559.709
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ (đặt cọc tiền sử dụng nước)	10.000.000	10.000.000
	10.000.000	10.000.000

5. Hàng tồn kho	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.759.041.238	-	626.510.212	-
Công cụ, dụng cụ	162.575.120	-	656.126.428	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	881.072.822	-	953.652.533	-
Hàng hóa	34.049.400	-	-	-
Thành phẩm	706.668.630	-	-	-
	3.543.407.210	-	2.236.289.173	-

6. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.901.364.054	22.286.852.040	1.024.389.306	203.855.418	44.416.460.818
- Mua trong năm	-	7.112.802.728	-	-	7.112.802.728
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.704.761.904)	-	-	(2.704.761.904)
Số dư cuối năm	20.901.364.054	26.694.892.864	1.024.389.306	203.855.418	48.824.501.642
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.637.851.163	19.334.834.154	71.138.145	124.218.408	29.168.041.870
- Khấu hao trong năm	2.090.136.396	943.994.109	170.731.548	31.970.288	3.236.832.341
- Thanh lý nhượng bán	-	(2.704.761.904)	-	-	(2.704.761.904)
Số dư cuối năm	11.727.987.559	17.574.066.359	241.869.693	156.188.696	29.700.112.307
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.263.512.891	2.952.017.886	953.251.161	79.637.010	15.248.418.948
Tại ngày cuối năm	9.173.376.495	9.120.826.505	782.519.613	47.666.722	19.124.389.335

	31/12/2017	31/12/2016
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	9.955.896.108	12.216.764.052
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.090.769.419	17.380.392.823

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	12.952.947.600	12.952.947.600
Số dư cuối năm	12.952.947.600	12.952.947.600
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.650.591.611	1.650.591.611
- Khấu hao trong năm	335.713.548	335.713.548
Số dư cuối năm	1.986.305.159	1.986.305.159
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	11.302.355.989	11.302.355.989
Tại ngày cuối năm	10.966.642.441	10.966.642.441

	31/12/2017	31/12/2016
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	10.966.642.441	11.302.355.989

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	31/12/2016
Dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	2.803.576.800	
	2.803.576.800	-

Chi phí trả trước là tiền thuê đất Lô 3A - Đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo Mở Rộng, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 33 năm từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

9. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem mục b, Vay dài hạn)	1.320.600.000	1.320.600.000	1.503.531.000	1.503.531.000
	1.320.600.000	1.320.600.000	1.503.531.000	1.503.531.000
b. Vay dài hạn				
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Á Châu	8.087.700.000	8.087.700.000	2.057.331.000	2.057.331.000
+Trừ khoản phải trả đến hạn	(1.320.600.000)	(1.320.600.000)	(1.503.531.000)	(1.503.531.000)
	6.767.100.000	6.767.100.000	553.800.000	553.800.000

Chi tiết các khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu:

Hợp đồng		Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Dư nợ
Ngày	Số				
14/06/2016	CLO.DN.365.130616	684.000.000	60 tháng	Theo từng lần nhận nợ	478.800.000
		Hình thức đảm bảo khoản vay			*Thế chấp*
		Mục đích vay		*Thanh toán tiền mua xe Toyota Fortuner*	
25/03/2014	CLO.DN.377.200314	1.500.000.000	48 tháng	Theo từng lần nhận nợ	75.000.000
		Hình thức đảm bảo khoản vay			*Thế chấp*
		Mục đích vay		*Thanh toán tiền mua máy tráng Vecni UV*	
19/09/2017	CLO.DN.246.150917	5.040.000.000	84 tháng	Theo từng lần nhận nợ	4.790.800.000
		Hình thức đảm bảo khoản vay			*Thế chấp*
		Mục đích vay		*Thanh toán tiền mua máy in*	
01/11/2017	CLO.DN.1208.311017	3.060.000.000	84 tháng	Theo từng lần nhận nợ	2.743.100.000
		Hình thức đảm bảo khoản vay			*Thế chấp*
		Mục đích vay		*Thanh toán tiền thuê đất và mua máy in*	

Tài sản đảm bảo là:
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 3, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh và Nhà xưởng xây dựng trên đất.
- Xe ô tô Toyota Fortuner.

10. Phải trả người bán

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	796.783.178	796.783.178	675.544.758	675.544.758
Công Ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	421.896.915	421.896.915	37.530.240	37.530.240
Công Ty Tnhh Sx - Tm Giấy Thuận Nam Thiên	398.598.895	398.598.895	-	-
Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	303.875.800	303.875.800	-	-
Công ty Tnhh Lab Group International VN	198.452.000	198.452.000	152.040.000	152.040.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thương Mại Và Sản Xuất Minh Kim Long	189.256.830	189.256.830	-	-
Công Ty Tnhh Cơ Khí Hoàng Hà	140.000.000	140.000.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	612.234.548	612.234.548	537.446.145	537.446.145
	3.061.098.166	3.061.098.166	1.402.561.143	1.402.561.143
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	796.783.178	796.783.178	675.544.758	675.544.758
Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	421.896.915	421.896.915	37.530.240	37.530.240
Chi Nhánh Tổng Công ty Liksin - Xí Nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin	14.310.000	14.310.000	-	-
	1.232.990.093	1.232.990.093	713.074.998	713.074.998

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Việt Thương	27.797.000	-
Công ty Tnhh Vĩnh Đức	5.593.500	-
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm An Long	-	9.020.000
Công ty Cổ Phần Tô Thành Phát	-	16.500.000
Các khách hàng khác	9.080.400	13.536.600
	42.470.900	39.056.600

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2016	Số phải nộp	Số đã nộp /khấu trừ	31/12/2017
- Thuế giá trị gia tăng	649.402.313	6.098.562.602	(6.747.964.915)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.290.466	1.308.532.437	(1.203.094.184)	268.728.719
- Thuế thu nhập cá nhân	69.291.523	117.347.204	(108.637.169)	78.001.558
Thuế phải nộp	881.984.302	7.524.442.243	(8.059.696.268)	346.730.277
Thuế phải thu	-			-

13. Chi phí phải trả

	31/12/2017	31/12/2016
Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ chưa nhận được hóa đơn		24.000.000
	-	24.000.000

14. Phải trả khác

	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản phải trả ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn		35.678.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.159.985	39.159.985
	39.159.985	74.838.185

15. Vốn chủ sở hữu

a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Các khoản mục khác...	Cộng
Số dư đầu năm trước	**18.127.058.884**	**4.260.000.000**	**4.321.760.991**	**-**	**26.708.819.875**
Tăng/(giảm) vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	4.863.643.355	-	4.863.643.355
Chia lợi nhuận/cổ tức	-	-	(2.175.247.200)	-	(2.175.247.200)
Trích lập quỹ		840.802.000	(2.028.763.791)	-	(1.187.961.791)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	**18.127.058.884**	**5.100.802.000**	**4.981.393.355**	**-**	**28.209.254.239**
Tăng/(giảm) vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	5.184.242.132	-	5.184.242.132
Chia lợi nhuận/cổ tức	-	-	(2.537.788.400)	-	(2.537.788.400)
Trích lập quỹ	-	864.250.000	(2.263.604.955)	-	(1.399.354.955)
Tăng/(giảm) khác	-	-	(180.000.000)	-	(180.000.000)
Số dư cuối năm nay	**18.127.058.884**	**5.965.052.000**	**5.184.242.132**	**-**	**29.276.353.016**

b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Nhà đầu tư	31/12/2017		31/12/2016	
	VNĐ	Tỷ lệ	VNĐ	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một Thành Viên	6.797.058.884	37,50%	6.797.058.884	37,50%
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	5.415.000.000	29,87%	5.415.000.000	29,87%
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tiền Giang	5.415.000.000	29,87%	5.415.000.000	29,87%
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	500.000.000	2,76%	500.000.000	2,76%
Tổng	18.127.058.884	100,00%	18.127.058.884	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	2017	2016
	VND	VND
Vốn điều lệ đăng ký của chủ sở hữu	18.127.060.000	18.127.060.000
+ Vốn góp đầu năm	18.127.058.884	18.127.058.884
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.127.058.884	18.127.058.884
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.537.788.400	2.175.247.200

d. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2017	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	5.965.052.000	5.100.802.000

e. Cổ phiếu	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.812.706	1.812.706
Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.812.706	1.812.706
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.812.706	1.812.706
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành (VND/cổ phiếu) 10.000 VND/Cổ phiếu		

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017		31/12/2016	
Đồng Đô la Mỹ	USD	194,25	USD	194,25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017	2016
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	52.282.071.481	43.540.656.945
	52.282.071.481	43.540.656.945
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	12.357.208.000	11.353.722.000
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tiền Giang	17.268.796.000	15.554.312.500
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	6.743.383.600	6.670.633.200
Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một Thành Viên	3.360.000	-
Các bên liên quan khác	574.199.352	582.701.645
Tổng	36.946.946.952	34.161.369.345

2. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.383.718.273	29.955.465.273
	37.383.718.273	29.955.465.273

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.472.096	27.517.767
	31.472.096	27.517.767

4. Chi phí tài chính

	2017	2016
Lãi tiền vay	247.861.810	329.417.979
	247.861.810	**329.417.979**

5. Thu nhập khác

	2017	2016
Bán phế liệu	-	340.847.695
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	600.000.000	100.000.000
Các khoản khác	2.153.751	24.360
	602.153.751	**440.872.055**

6. Chi phí khác	2017	2016
- Chi phí thu gom giấy vụn	23.058.367	35.807.389
- Các khoản phạt, bồi thường	22.832.909	230.014
- Các khoản khác	1.771.682	78.800
	47.662.958	**36.116.203**

7. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	2017	2016
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên vật liệu	488.039.698	463.435.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	823.101.222	498.776.511
Chi phí bằng tiền khác,...	514.531.366	908.189.371
	1.825.672.286	1.870.401.786
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.863.706.613	3.537.826.912
Chi phí vật liệu quản lý	12.986.115	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.010.796	204.180.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.489.116	79.206.321
Thuế phí lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.358.672.526	566.961.478
Chi phí bằng tiền khác	1.305.142.266	1.329.606.797
	6.918.007.432	5.720.781.984

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2017	2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.308.532.437	1.233.220.186
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.308.532.437	1.233.220.186

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán Lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2017	2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.184.242.132	4.863.643.356
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(1.399.354.955)	(1.187.961.791)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.784.887.177	3.675.681.565
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.812.706	1.812.706
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	2.088	2.028

VI. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:
- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

a. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	IV.1	5.062.481.058	3.205.075.064
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	IV.2, IV.4	2.058.241.264	2.793.722.138

b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

c. *Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty từ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm lãi suất ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	1.320.600.000	6.767.100.000	8.087.700.000
Phải trả người bán	3.061.098.166	-	3.061.098.166
Phải trả người lao động	2.889.258.654	-	2.889.258.654
Các khoản phải trả khác	39.159.985	-	39.159.985
	7.310.116.805	6.767.100.000	14.077.216.805

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	1.503.531.000	553.800.000	2.057.331.000
Phải trả người bán	1.402.561.143	-	1.402.561.143
Phải trả người lao động	1.524.851.580	-	1.524.851.580
Chi phí phải trả	24.000.000	-	24.000.000
Các khoản phải trả khác	74.838.185	-	74.838.185
	4.529.781.908	553.800.000	5.083.581.908

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hơn nữa, các nhà đầu tư xác nhận sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo Công ty có khả năng thanh toán.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	31/12/2017	31/12/2016
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	11.180.000.000	684.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	31/12/2017	31/12/2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(5.154.022.496)	(3.203.739.500)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sau ngày kết thúc không phát sinh các sự kiện trọng yếu đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	2017	2016
Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông góp vốn	Cổ tức đã chia	951.588.400	815.647.200
		Bán hàng	3.696.000	-
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	Cổ đông góp vốn	Cổ tức đã chia	758.100.000	649.800.000
		Bán hàng (gia công in vé số)	13.592.928.800	12.489.094.200
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Tiền Giang	Cổ đông góp vốn	Cổ tức đã chia	758.100.000	649.800.000
		Bán hàng (gia công in vé số)	18.995.675.600	17.109.743.750
Công ty Tnhh Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết An Giang	Cổ đông góp vốn	Cổ tức đã chia	70.000.000	60.000.000
		Bán hàng (gia công in vé số)	7.417.721.960	7.337.696.520
Chi Nhánh Tổng Công Ty Công Nghiệp - In - Bao Bì Liksin - Tnhh Một Thành Viên - Trung Tâm Kinh Doanh An Thịnh Liksin	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Liksin	Mua hàng	4.871.475.235	4.396.926.041

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính)

Thù lao hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám Đốc và các thành viên chủ chốt như sau:

Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	102.000.000	173.500.000
Ban Giám đốc	Lương và thưởng	1.343.731.333	1.169.237.000

Tại ngày kết thúc niên độ, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối liên hệ	Nghiệp vụ	Số phải thu /(Phải trả) 31/12/2017	31/12/2016
Xem Thuyết minh IV.2, IV.4, IV.10				

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty xác nhận Công ty không có ý định chấm dứt hoạt động hoặc thu hẹp quy mô trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc niên độ. Do vậy, báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục.

Lê Quốc Trưởng
Kế toán trưởng

Mai Văn Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 2 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 04464 Quyển số: ..... SCT/BS
Ngày: 17 -07- 2020
Văn phòng công chứng Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Công Chứng viên
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÌNH TÂN

Phan Thị Nga